



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017
đã được soát xét*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 50

030314
CÔNG
CỔ PHẦN
VÀ PHÁT
ĐA QUỐC
★ ★
VÒ - T.

0305
CỔ
TRÁCH
DỊCH
TÀI CHÍNH
VÀ K
PHI
VÒ - T.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09 tháng 06 năm 2016.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2017 là: **1.816.096.710.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

4. Cấu trúc của Công ty

Công ty con:

- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

+ Địa chỉ : Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

+ Vốn điều lệ : 381.000.000.000 VND (Đã góp đủ)

+ Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 79,25%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 79,25%

- CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

+ Địa chỉ: 326 Hùng Vương - P.Mỹ Long - Tp.Long Xuyên An Giang

+ Vốn điều lệ : 120.000.000.000 VND (Chưa góp đủ)

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 72,80%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 75,35%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1296 -
TY
ĐẦU TƯ
TRIỂN
GIA I.D.
★
ĐỒNG T

11729-C
CÔNG TY
THIÊM HỮU HỮU
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
TỔNG QUẢN
A NAM
PHỐ CH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Phạm Đình Nam	Thành viên
Ông:	Lê Văn Chung	Thành viên
Ông:	Lê Văn Thành	Thành viên
Bà :	Lê Thị Phương	Thành viên
Ông:	Trương Công Khánh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc
Ông:	Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Cảnh	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Đình Lịch	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Thanh Hải	P.Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Lê Hoàng Cương	Trưởng ban
Bà :	Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Ông:	Lê Thanh Dũng	Ủy viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Văn Chung

Kế toán trưởng:

Ông: Lê Xuân Định

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 07 năm 2017

**Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch**

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**

LÊ THANH THUẬN

LÊ VĂN CHUNG

Số : 512../BCKT/TC/2017/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I được lập ngày 28 tháng 07 năm 2017, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2017

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1

3141296
CÔNG TY
ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I
T. Đ. Đ. Đ.030501
CÔNG TRÁCH NHIỆM
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH VÀ KIỂM
TOÁN PHÍA NAM
T. P.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.991.216.966.728	3.979.429.748.104
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	273.306.405.289	168.228.465.119
111	1. Tiền		227.071.551.729	134.893.611.559
112	2. Các khoản tương đương tiền		46.234.853.560	33.334.853.560
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	1.329.742.627.414	1.415.575.130.914
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.844.862.388	1.844.862.388
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(455.871.388)	(471.367.888)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.328.353.636.414	1.414.201.636.414
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.819.396.797.428	1.872.489.556.721
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	745.140.258.772	785.213.156.640
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.003.571.568.351	976.572.519.047
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	121.000.840.018	161.019.750.747
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(50.315.869.713)	(50.315.869.713)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.06	527.012.930.537	485.234.961.042
141	1. Hàng tồn kho		527.012.930.537	485.419.310.612
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			(184.349.570)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		41.758.206.060	37.901.634.308
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	918.335.751	1.838.627.459
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.860.214.748	6.959.314.027
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	28.979.655.561	29.103.692.822
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.380.755.608.342	1.101.153.652.782
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.598.722.809	10.598.722.809
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	10.598.722.809	10.598.722.809
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		580.668.283.976	605.639.704.426
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	302.544.489.560	319.234.627.846
222	- Nguyên giá		508.779.655.694	507.255.483.058
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(206.235.166.134)	(188.020.855.212)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09	116.772.811.946	123.816.148.784
225	- Nguyên giá		139.119.414.450	139.119.414.450
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(22.346.602.504)	(15.303.265.666)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	161.350.982.470	162.588.927.796
228	- Nguyên giá		167.606.730.869	167.296.730.869
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.255.748.399)	(4.707.803.073)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	113.207.360.852	115.679.956.502
231	- Nguyên giá		124.429.500.002	124.429.500.002
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(11.222.139.150)	(8.749.543.500)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.07	383.266.231.601	298.849.385.463
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		383.266.231.601	298.849.385.463
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	289.700.000.000	67.950.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.000.000.000	14.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		275.700.000.000	53.950.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.315.009.104	2.435.883.582
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	3.091.393.893	2.195.961.140
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		133.925.441	133.925.441
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.11	89.689.770	105.997.001
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.371.972.575.070	5.080.583.400.886

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.144.194.444.418	2.929.572.041.063
310	I. Nợ ngắn hạn		2.528.880.527.256	2.355.358.314.638
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	241.523.141.361	234.948.839.861
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		24.704.568.277	16.487.089.070
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	7.142.975.898	7.203.408.058
314	4. Phải trả người lao động		27.377.582.745	27.192.267.305
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	105.929.192	105.929.193
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	75.515.082.977	53.925.086.284
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	2.146.770.776.033	2.009.309.084.982
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.740.470.773	6.186.609.878
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		615.313.917.162	574.213.726.425
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	615.285.084.213	574.185.263.466
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		28.832.949	28.462.959
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.18.	2.227.778.130.652	2.151.011.359.823
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.227.778.130.652	2.151.011.359.823
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.816.096.710.000	1.816.096.710.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.816.096.710.000	1.816.096.710.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.060.700.000	17.060.700.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(42.000.000)	(42.000.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		24.759.031.057	23.791.570.926
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		967.460.131	
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		967.460.131	
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		257.996.491.638	186.527.725.687
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		183.082.931.054	92.051.221.033
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		74.913.560.584	94.476.504.654
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		109.972.277.696	107.576.653.210
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.371.972.575.070	5.080.583.400.886

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN PHƯỚC MINH



LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	2.297.400.192.718	1.914.330.252.622
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	108.613.222	1.186.746.401
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.297.291.579.496	1.913.143.506.221
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	2.088.164.538.181	1.729.577.533.125
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		209.127.041.315	183.565.973.096
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	58.598.902.311	41.297.370.133
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	99.706.778.719	71.565.454.863
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		88.108.733.332	59.636.026.590
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết			2.721.138.695
25	9. Chi phí bán hàng	VI.06	67.958.513.719	56.184.357.582
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	18.069.538.097	18.969.700.107
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		81.991.113.091	80.864.969.372
31	12. Thu nhập khác	VI.07	702.097.605	1.908.869.521
32	13. Chi phí khác	VI.08	1.155.692.386	881.893.685
40	14. Lợi nhuận khác		(453.594.781)	1.026.975.836
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		81.537.518.310	81.891.945.208
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	4.199.500.291	6.466.020.252
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		28.832.949	
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		77.309.185.070	75.425.924.956
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		74.913.560.584	73.497.918.192
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		2.395.624.486	1.928.006.764
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		412	643

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc





TRẦN PHƯỚC MINH

LÊ XUÂN ĐỊNH

LÊ VĂN CHUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		81.537.518.310	81.891.945.208
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		29.278.188.736	27.916.359.464
03	2. Các khoản dự phòng		199.846.070	(1.702.090.099)
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.470.950.194	(8.143.588.572)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(47.634.729.875)	(29.351.692.567)
06	5. Chi phí lãi vay		88.108.733.332	59.636.026.590
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		152.960.506.767	130.246.960.024
09	1. Tăng, giảm các khoản phải thu		36.557.794.173	(562.489.017.500)
10	2. Tăng, giảm hàng tồn kho		(41.593.619.925)	107.049.374.159
11	3. Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		46.474.334.282	(53.542.216.879)
12	4. Tăng, giảm chi phí trả trước		(24.858.955)	(9.886.935.255)
13	5. Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	6. Tiền lãi vay đã trả		(88.108.733.332)	(53.287.322.673)
15	7. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.737.406.776)	(6.535.844.282)
16	8. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(446.139.105)	(90.676.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		100.081.877.129	(448.535.678.406)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(86.819.796.861)	(266.548.638.569)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(538.248.500.000)	(938.578.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		402.346.500.000	307.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			60.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.136.349.288	21.854.780.067
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(176.585.447.573)	(815.771.858.502)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			832.846.710.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		4.381.523.615.838	2.741.069.946.432
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(4.191.182.191.058)	(2.342.135.192.419)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(11.788.077.033)	(9.354.974.750)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.950.000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		178.533.397.747	1.222.426.489.263
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		102.029.827.303	(41.881.047.645)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		168.228.465.119	468.896.056.459
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.048.112.867	(288.665.983)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		273.306.405.289	426.726.342.831

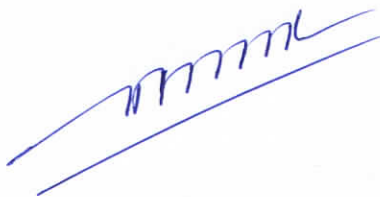
Đồng Tháp, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN PHƯỚC MINH



LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09 tháng 06 năm 2016.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2017 là: **1.816.096.710.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tổng số các Công ty con

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02

+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

- Danh sách công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
+ Công ty Cp ĐT Du lịch và Phát triển Thủy Sản	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	79,25%	79,25%
+ Công ty Cp Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang	72,80%	75,35%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư, văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh khoản vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn góp vào Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của Công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và sử dụng chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty mẹ trong trường hợp cần thiết.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết: Đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính được trích lập trong kỳ liên quan đến khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết của Công ty. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, được thực hiện điều chỉnh giảm để loại trừ số dự phòng được trích lập trong kỳ.

+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua phát sinh liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư:

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập khi Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá trị hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá của cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc cố thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Giao dịch hợp nhất qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, trên Báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Khi đạt được quyền kiểm soát, trên Báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào các chỉ tiêu thuộc phân vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

- Nếu thời điểm thoái vốn cách xa thời điểm lập báo cáo: Do công ty con đã trở thành công ty liên kết nên trên Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ không tiếp tục hợp nhất toàn bộ công ty con mà chỉ hợp nhất kết quả của công ty con kể từ đầu kỳ đến thời điểm thoái vốn.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	781.664.256	508.475.249
Tiền gửi không kỳ hạn	226.289.887.473	134.385.136.310
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	46.234.853.560	33.334.853.560
- Tiền gửi có kỳ hạn	46.234.853.560	33.334.853.560
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Cộng	273.306.405.289	168.228.465.119

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh	1.844.862.388	1.317.433.500	(455.871.388)	1.373.494.500
Tổng giá trị cổ phiếu	1.844.862.388	1.317.433.500	(455.871.388)	1.373.494.500
+ ASM	1.844.862.388	1.317.433.500	(455.871.388)	1.373.494.500
Cộng	1.844.862.388	1.317.433.500	(455.871.388)	1.373.494.500

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

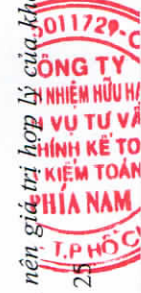
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	1.328.353.636.414	1.328.353.636.414	1.414.201.636.414	1.414.201.636.414
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.328.353.636.414	1.328.353.636.414	1.414.201.636.414	1.414.201.636.414
- Các khoản đầu tư khác	275.700.000.000	275.700.000.000	53.950.000.000	53.950.000.000
b2) Dài hạn	275.700.000.000	275.700.000.000	53.950.000.000	53.950.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	275.700.000.000	275.700.000.000	53.950.000.000	53.950.000.000
- Các khoản đầu tư khác	1.604.053.636.414	1.604.053.636.414	1.468.151.636.414	1.468.151.636.414
Cộng	1.604.053.636.414	1.604.053.636.414	1.468.151.636.414	1.468.151.636.414

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
+ Công ty Cp Nhứt Hồng (*)	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000

Ghi chú:

(*) Do công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	745.140.258.772	785.213.156.640
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu	95.961.349.903	108.948.047.247
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	128.829.809.562	108.731.657.227
+ LLC"MEKONG FOOD"	24.926.508.843	56.642.870.525
+ Công ty TNHH MTV Mỹ Kiều	34.622.310.835	
+ Đối tượng khác	460.800.279.629	510.890.581.641
b) Dài hạn		
Cộng	745.140.258.772	785.213.156.640

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

04 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	121.000.840.018	(528.000.000)	161.019.750.747	(528.000.000)
Tạm ứng	57.612.169.174		113.047.412.758	
Cho mượn	4.450.000.000		5.268.706.722	
Các khoản chi hộ	59.800.000		59.800.000	
Phải thu khác	58.878.870.844	(528.000.000)	42.643.831.267	(528.000.000)
+ Cục thuế Đồng Tháp	39.932.557.290			
+ Cty CTTC TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	3.674.993.638		4.083.329.092	
+ Đối tượng khác	15.271.319.916	(528.000.000)	38.560.502.175	(528.000.000)
b) Dài hạn	10.598.722.809		10.598.722.809	
Ký cược, ký quỹ	10.598.722.809		10.598.722.809	
Cộng	131.599.562.827	(528.000.000)	171.618.473.556	(528.000.000)

05 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sata Fish Ltd"	9.491.280.000		9.491.280.000	
+ Alfredo Foods	9.095.883.840		9.095.883.840	
+ Alliance Seafood Group	9.130.179.226		9.130.179.226	
+ Lapsen International Trading Ltd	4.482.623.510		4.482.623.510	
+ Sarl Globe Alliance	7.122.220.160		7.122.220.160	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.570.626.272	3.285.313.136	6.570.626.272	3.285.313.136
+ Đối tượng khác	13.111.148.002	5.402.778.161	13.111.148.002	5.402.778.161
Cộng	59.003.961.010	8.688.091.297	59.003.961.010	8.688.091.297

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: Không có

06 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.031.789.292		7.710.523.911	
- Công cụ, dụng cụ	779.999.458		647.839.507	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	706.273.993		8.216.158.133	
- Thành phẩm	391.019.933.677		339.155.143.923	(184.349.570)
- Hàng hóa	56.171.304.036		121.951.899.830	
- Hàng gửi đi bán	13.245.402.418		7.737.745.308	
- Hàng hóa bất động sản	59.058.227.663			
Cộng	527.012.930.537		485.419.310.612	(184.349.570)

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Lý do hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Thành phẩm Mỡ cá đã bán hết trong kỳ

07 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
Mua sắm	72.799.998	216.799.998
Xây dựng cơ bản	383.193.431.603	298.632.585.465
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	1.565.846.400	1.565.846.400
+ Nhà máy tinh lọc dầu cá	22.472.435.129	22.472.435.129
+ Khu đất tái định cư	3.805.747.273	4.028.161.724
+ Nhà máy thức ăn	321.806.708.385	267.413.191.818
+ Công trình khác	4.104.947.676	3.152.950.394
+ Nhà máy đông lạnh	29.437.746.740	
Cộng	383.266.231.601	298.849.385.463

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

08 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

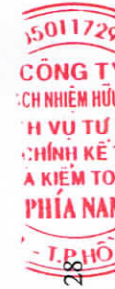
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	195.149.255.711	291.496.494.214	14.704.642.456	1.070.684.618	4.834.406.059	507.255.483.058
2. Số tăng trong kỳ	567.653.636	327.000.000	331.255.000	31.364.000	266.900.000	1.524.172.636
- Mua trong kỳ	567.653.636	327.000.000	331.255.000	31.364.000	266.900.000	1.524.172.636
- Tặng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	195.716.909.347	291.823.494.214	15.035.897.456	1.102.048.618	5.101.306.059	508.779.655.694
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	40.304.594.672	138.012.868.168	6.181.713.667	907.083.251	2.614.595.454	188.020.855.212
2. Khấu hao trong kỳ	3.938.705.222	12.698.810.864	1.182.915.551	48.514.035	345.365.250	18.214.310.922
- Khấu hao trong kỳ	3.938.705.222	12.698.810.864	1.182.915.551	48.514.035	345.365.250	18.214.310.922
- Tặng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ	44.243.299.894	150.711.679.032	7.364.629.218	955.597.286	2.959.960.704	206.235.166.134
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	154.844.661.039	153.483.626.046	8.522.928.789	163.601.367	2.219.810.605	319.234.627.846
2. Tại ngày cuối kỳ	151.473.609.453	141.111.815.182	7.671.268.238	146.451.332	2.141.345.355	302.544.489.560

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 115.280.501.178 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.608.223.108 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



28



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ vô hình	Cộng
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu kỳ		133.133.111.452	5.517.390.000		468.912.998		139.119.414.450
2. Số tăng trong kỳ							
- Thuê tài chính trong kỳ							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tặng khác							
3. Số giảm trong kỳ							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ		133.133.111.452	5.517.390.000		468.912.998		139.119.414.450
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu kỳ		14.479.883.592	823.382.074				15.303.265.666
2. Khấu hao trong kỳ		6.452.521.752	551.739.000		39.076.086		7.043.336.838
- Khấu hao trong kỳ		6.452.521.752	551.739.000		39.076.086		7.043.336.838
- Tặng khác							
3. Giảm trong kỳ							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ		20.932.405.344	1.375.121.074		39.076.086		22.346.602.504
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu kỳ		118.653.227.860	4.694.007.926		468.912.998		123.816.148.784
2. Tại ngày cuối kỳ		112.200.706.108	4.142.268.926		429.836.912		116.772.811.946

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ: 4.037.140.004 VND

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH					Đơn vị tính: VND	
Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	166.951.730.869			345.000.000		167.296.730.869
2. Số tăng trong kỳ				310.000.000		310.000.000
- Mua trong kỳ				310.000.000		310.000.000
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	166.951.730.869			655.000.000		167.606.730.869
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	4.495.865.440			211.937.633		4.707.803.073
2. Khấu hao trong kỳ	1.479.879.078			68.066.248		1.547.945.326
- Khấu hao trong kỳ	1.479.879.078			68.066.248		1.547.945.326
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	5.975.744.518			280.003.881		6.255.748.399
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	162.455.865.429			133.062.367		162.588.927.796
2. Tại ngày cuối kỳ	160.975.986.351			374.996.119		161.350.982.470

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 121.357.712.288 VND
 - Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 60.000.000 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	124.429.500.002			124.429.500.002
- Quyền sử dụng đất	17.254.727.273			17.254.727.273
- Nhà	107.174.772.729			107.174.772.729
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	8.749.543.500	2.472.595.650		11.222.139.150
- Quyền sử dụng đất	781.829.466	196.105.926		977.935.392
- Nhà	7.967.714.034	2.276.489.724		10.244.203.758
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	115.679.956.502	(2.472.595.650)		113.207.360.852
- Quyền sử dụng đất	16.472.897.807	(196.105.926)		16.276.791.881
- Nhà	99.207.058.695	(2.276.489.724)		96.930.568.971
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 85.962.878.972 VND

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	918.335.751	1.838.627.459
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	918.335.751	1.532.125.158
Các khoản khác	306.502.301	306.502.301
b) Dài hạn	3.091.393.893	2.195.961.140
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.399.014.196	2.116.516.699
Các khoản khác	692.379.697	79.444.441
b) Lợi thế thương mại	89.689.770	105.997.001
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	89.689.770	105.997.001
Cộng	4.099.419.414	4.140.585.600

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
a) Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn - VND	1.681.943.259.184	1.681.943.259.184	3.705.758.834.893	3.640.488.420.732
Vay ngắn hạn - USD	444.777.246.965	444.777.246.965	599.540.780.945	526.820.676.220
Cộng	2.126.720.506.149	2.126.720.506.149	4.305.299.615.838	4.167.309.096.952
b) Vay dài hạn				
Vay dài hạn - VND	1.681.943.259.184	1.681.943.259.184	3.705.758.834.893	3.640.488.420.732
Vay dài hạn - USD	444.777.246.965	444.777.246.965	599.540.780.945	526.820.676.220
Cộng	2.126.720.506.149	2.126.720.506.149	4.305.299.615.838	4.167.309.096.952
Tổng cộng	4.253.441.012.298	4.253.441.012.298	8.610.599.231.676	8.334.608.193.904

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	6 tháng đầu năm 2017			6 tháng đầu năm 2016		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	1.567.873.190	177.361.634	1.390.511.556	12.334.679.832	3.341.033.082	8.993.646.750
Trên 1 năm đến 5 năm	14.257.343.847	3.859.778.370	10.397.565.477	517.634.139	156.306.139	361.328.000
Trên 5 năm						
Cộng	15.825.217.037	4.037.140.004	11.788.077.033	12.852.313.971	3.497.339.221	9.354.974.750

d) Giá trị nợ thuế tài chính

Ngắn hạn	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính	20.050.269.884	20.050.269.884	20.579.097.719	20.579.097.719
Dài hạn				
Gốc nợ thuế tài chính	58.693.263.726	58.693.263.726	70.355.415.629	70.355.415.629
Cộng	78.743.533.610	78.743.533.610	90.934.513.348	90.934.513.348

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: Không có

+ Dài hạn	30/06/2016			01/01/2017		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Loại phát hành theo mệnh giá	147.931.545.464	10,4%/năm	36 tháng	147.242.060.612	10,4%/năm	36 tháng
Cộng	147.931.545.464			147.242.060.612		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

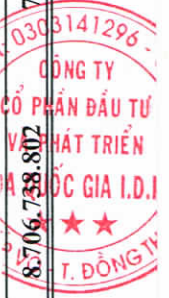
Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN				
a) Ngắn hạn	241.523.141.361	241.523.141.361	234.948.839.861	234.948.839.861
+ Công ty TNHH MTV Mỹ Kiều	27.870.286.715	27.870.286.715		
+ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai	44.724.238.168	44.724.238.168		
+ Hợp tác xã Nuôi Trồng TS Chợ Mới	17.107.850.000	17.107.850.000	27.458.086.594	27.458.086.594
+ Công ty CP du lịch Đồng Tháp			22.842.525.600	22.842.525.600
+ Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ	1.287.216.000	1.287.216.000	7.667.368.000	7.667.368.000
- Cty TNHH Hữu Sáng	13.255.197.000	13.255.197.000		
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng An Phú Gia	3.847.650.000	3.847.650.000		
+ Phải trả cho các đối tượng khác	133.430.703.478	133.430.703.478	176.980.859.667	176.980.859.667
Cộng	241.523.141.361	241.523.141.361	234.948.839.861	234.948.839.861

- c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có
d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.3

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ	
	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoạt động SXKD chính	5.727.099.911	4.199.469.602	5.737.406.776	4.189.162.737
Thuế GTGT	1.300.345.782	3.482.153.650	2.246.327.458	2.536.171.974
Thuế Xuất nhập khẩu	28.857.375	347.541.104	376.398.479	
Thuế thu nhập cá nhân	134.528.990	557.829.286	312.214.089	380.144.187
Thuế tài nguyên	12.576.000	59.313.000	34.392.000	37.497.000
Thuế khác	12.576.000	23.028.800	23.028.800	
Cộng	7.203.408.058	8.646.306.642	8.706.738.802	7.142.975.898



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

b) Phải thu

	01/01/2017	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/06/2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoạt động KD bất động sản	557.991.070	5.513.681	190.151.430	373.353.321
Thuế GTGT hàng NK	28.545.701.752	3.668.501.735	3.607.901.247	28.606.302.240
Thuế tài nguyên				
Cộng	29.103.692.822	3.674.015.416	3.798.052.677	28.979.655.561

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	75.515.082.977	53.925.086.284
Tài sản thừa chờ giải quyết	52.287.503	52.287.503
Kinh phí công đoàn	1.371.687.010	1.090.577.670
Bảo hiểm xã hội	86.528.185	86.528.185
Bảo hiểm y tế	6.983.333	13.671.000
Bảo hiểm thất nghiệp		6.076.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.834.117.500	7.435.117.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	669.250.000	690.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	66.494.229.446	44.550.578.426
+ Hoa hồng môi giới	720.171.106	
+ Phải trả khác	65.774.058.340	

b) Dài hạn

Cộng

75.515.082.977 **53.925.086.284**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	105.929.192	105.929.193
Doanh thu nhận trước	105.929.192	105.929.193
b) Dài hạn		
Cộng	105.929.192	105.929.193

c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng : Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN & Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	983.250.000.000	17.266.800.000	(42.000.000)	21.679.256.617		96.148.880.481	102.377.819.755	1.220.680.756.853
Tăng vốn trong năm trước	832.846.710.000							832.846.710.000
Lãi trong năm trước						94.476.504.654	5.073.529.125	99.550.033.779
Phân phối cho Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu								
Trích quỹ từ lợi nhuận				2.112.314.309		(2.539.128.262)	(221.664.722)	(648.478.675)
Tăng khác							346.969.052	346.969.052
Thù lao hội đồng quản trị						(792.000.000)		(792.000.000)
Giảm khác			(206.100.000)			(766.531.186)		(972.631.186)
Số dư đầu năm nay	1.816.096.710.000	17.060.700.000	(42.000.000)	23.791.570.926		186.527.725.687	107.576.653.210	2.151.011.359.823
Tăng vốn trong kỳ này								
Lãi trong kỳ này						74.913.560.584		74.913.560.584
Lợi ích cổ đông không kiểm soát							109.972.277.696	109.972.277.696
Tăng khác								
Trích quỹ từ lợi nhuận				967.460.131	1.934.920.262	(2.902.380.392)		(540.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị						(540.000.000)		(540.000.000)
Giảm khác						(2.414.241)		(2.414.241)
Số dư cuối kỳ này	1.816.096.710.000	17.060.700.000	(42.000.000)	24.759.031.057	1.934.920.262	257.996.491.638	109.972.277.696	2.227.778.130.652



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

18. . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	30/06/2017	%	01/01/2017	%
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	1.816.096.710.000	100,00%	1.816.096.710.000	100,00%
Cộng	1.816.096.710.000	100,00%	1.816.096.710.000	100,00%

18. . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	1.816.096.710.000	983.250.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		832.846.710.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	1.816.096.710.000	1.816.096.710.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

18. . 4. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	181.609.671	181.609.671
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	181.609.671	181.609.671
- Cổ phiếu phổ thông	181.609.671	181.609.671
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	181.609.671	181.609.671
- Cổ phiếu phổ thông	181.609.671	181.609.671
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

18. . 5. Các quỹ của công ty:

	30/06/2017	01/01/2017
Quỹ đầu tư phát triển	24.759.031.057	23.791.570.926
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	967.460.131	
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	967.460.131	

18. . 6. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể

Thù lao hội đồng quản trị	540.000.000
---------------------------	-------------

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	30/06/2017	01/01/2017
- Dollar Mỹ (USD)	4.594.799,62	4.684.553,77
- Bảng Anh (EUR)	2.121,06	1.835,00
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	13.870,00	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	1.146.055.079.750	835.706.762.243
Doanh thu Bột cá, Mỡ cá	616.475.966.200	414.931.789.768
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	514.041.446.204	634.501.139.874
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.353.886.437	26.150.432.554
Doanh thu bất động sản	19.462.905.037	2.583.420.455
Doanh thu khác	10.909.090	456.707.728
Cộng	2.297.400.192.718	1.914.330.252.622

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2017
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn	301.450.989.790

02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giảm giá hàng bán	108.613.222	217.426.401
Hàng bán bị trả lại		969.320.000
Cộng	108.613.222	1.186.746.401

03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	994.734.216.231	744.659.829.529
Doanh thu Bột cá, Mỡ cá	573.948.824.599	392.768.276.770
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	492.905.051.363	570.822.163.903
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.567.676.071	19.347.168.831
Giá vốn của bất động sản	19.193.119.487	1.539.750.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(184.349.570)	
Giá vốn khác		440.344.092
Cộng	2.088.164.538.181	1.729.577.533.125

04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.634.845.550	21.616.629.356
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.048.472.374	7.736.100.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.915.584.387	11.284.901.189
Doanh thu hoạt động tài chính khác		659.739.588
Cộng	58.598.902.311	41.297.370.133

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền vay	88.108.733.332	59.636.026.590
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.536.491.756	9.605.356.829
Chi phí tài chính khác	1.061.553.631	2.324.071.444
Cộng	99.706.778.719	71.565.454.863

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

06 . 1. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên	3.951.476.674	2.636.011.210
Chi phí công cụ, dụng cụ	51.423.200	2.515.703
Chi phí khấu hao		233.564.082
Chi phí vận chuyển hàng hóa	31.766.736.535	27.647.314.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.656.777.029	2.388.727.197
Chi phí bằng tiền khác	21.532.100.281	23.276.224.563
Cộng	67.958.513.719	56.184.357.582

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân viên	11.365.521.021	10.423.016.367
Chi phí công cụ, dụng cụ	362.382.407	223.793.645
Chi phí khấu hao	1.784.738.687	1.597.001.480
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		1.837.763.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.724.087	150.198.060
Các khoản chi phí QLDN khác	4.284.171.895	4.737.926.645
Cộng	18.069.538.097	18.969.700.107

07 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền phạt thu được		1.878.900.415
Các khoản khác	702.097.605	29.969.106
Cộng	702.097.605	1.908.869.521

08 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Các khoản bị phạt	136.980.498	728.639.677
Các khoản khác	1.018.711.888	153.254.008
Cộng	1.155.692.386	881.893.685

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	973.654.181.806	917.591.479.983
Chi phí nhân công	148.604.443.818	97.925.229.512
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.097.105.556	21.368.987.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.339.833.816	27.822.246.878
Chi phí khác bằng tiền	72.442.389.380	60.931.117.570
Cộng	1.256.137.954.376	1.125.639.060.974

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.056.886.719	6.273.276.671
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	142.613.572	192.743.581
Cộng	4.199.500.291	6.466.020.252

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không có

02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03 . 3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	4.381.523.615.838

04 . 4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2017
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	4.191.182.191.058

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 30/06/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

03 Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	792.000.000	792.000.000
Tiền lương	2.017.678.847	1.483.715.385

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn
+ Công ty CP Nhựt Hồng	Công ty góp vốn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Bán cá thành phẩm	39.105.896.600
	- Chi dùm tiền phí hoa hồng	247.068.240
	- Thu hộ cước vận chuyển	617.281.954
	- Chi hộ tiền bảo hiểm	226.153.500
	- Mua thức ăn thủy sản	81.151.387.300
	- Xây dựng cơ bản nhà máy thức ăn	45.865.000.000
	- Phải trả tiền chuyển nhượng QSDĐ	20.218.141.000
	- Phải trả tiền UTXK	36.318.155.818
	- Xuất bán bột cá	262.345.093.190
- Hoàn trả tiền bột cá	116.059.900.000	

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Bán cá thành phẩm	11.682.478.554
	- Nguyên liệu thức ăn cá	2.886.891.980
	- Phải thu tiền chi hộ hoa hồng cho khách	247.068.240
	- Chi hộ tiền bảo hiểm	222.708.500
	- Tiền bột cá biển	11.109.808.165
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính	- Tiền mượn tạm	3.200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	- Tiền chuyển nhượng QSDĐ	3.475.667.000
	- Tiền UTXK	11.206.768.868
	- Thức ăn cá	30.041.802.300
	- Ứng trước tiền xây dựng nhà máy thức ăn	373.019.144.172
	- Tiền chi hộ bảo hiểm	86.528.185
+ Công ty CP ĐT DL & PT Thủy Sản	- Thanh toán trước tiền mua thức ăn cá	1.915.255.200
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính	- Tư vấn xây dựng	99.350.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2017		6 tháng đầu năm 2016	
	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.218.069.050.328	1.079.222.529.168	1.226.724.142.738	686.419.363.483
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.218.069.050.328	1.079.222.529.168	1.226.724.142.738	686.419.363.483
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	59.847.337.691	149.279.703.624	99.580.987.259	83.984.985.837
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(86.028.051.816)		(75.154.057.689)	(75.154.057.689)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	123.098.989.499		123.098.989.499	108.411.915.407
Doanh thu hoạt động tài chính	58.598.902.311		41.297.370.133	41.297.370.133
Chi phí tài chính	(99.706.778.719)		(71.565.454.863)	(71.565.454.863)
Phản lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết			2.721.138.695	2.721.138.695
Thu nhập khác	702.097.605		1.908.869.521	1.908.869.521
Chi phí khác	(1.155.692.386)		(881.893.685)	(881.893.685)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(4.199.500.291)		(6.466.020.252)	(6.466.020.252)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(28.832.949)			
Lợi nhuận sau thuế TNDN	77.309.185.070			75.425.924.956
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	86.819.796.861			266.548.638.569
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	29.487.570.383			41.031.160.212



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	30/06/2017			01/01/2017		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý						
Tài sản bộ phận	1.361.199.316.404	193.126.031.340	1.554.325.347.744	1.460.032.995.415	265.765.026.886	1.725.798.022.301
Tài sản không phân bổ			3.817.647.227.326			3.354.785.378.585
Tổng tài sản	1.361.199.316.404	193.126.031.340	5.371.972.575.070	1.460.032.995.415	265.765.026.886	5.080.583.400.886
Nợ phải trả bộ phận	253.509.462.980	35.378.584.427	288.888.047.407	212.379.294.268	40.659.541.989	253.038.836.257
Nợ phải trả không phân bổ			2.855.306.397.011			2.676.533.204.806
Tổng nợ phải trả	253.509.462.980	35.378.584.427	3.144.194.444.418	212.379.294.268	40.659.541.989	2.929.572.041.063

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh
 6 tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	Sản xuất chế biến cá tra		Doanh thu Bộ Cá, mỡ cá		Doanh thu thức ăn chăn nuôi		Xây dựng		Khác		Tổng
	Sản xuất chế biến cá tra	Sản xuất chế biến cá tra	Doanh thu Bộ Cá, mỡ cá	Doanh thu Bộ Cá, mỡ cá	Doanh thu thức ăn chăn nuôi	Doanh thu thức ăn chăn nuôi	Xây dựng	Xây dựng	Khác	Khác	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.145.946.466.528		616.475.966.200		514.041.446.204				20.827.700.564		2.297.291.579.496
Tài sản bộ phận	321.359.102.212		190.762.758.720		230.557.522.933				2.460.874.907		745.140.258.772
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác											86.819.796.861
6 tháng đầu năm 2016											
Chỉ tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	Sản xuất chế biến cá tra	Doanh thu Bộ Cá, mỡ cá	Doanh thu Bộ Cá, mỡ cá	Doanh thu thức ăn chăn nuôi	Doanh thu thức ăn chăn nuôi	Xây dựng	Xây dựng	Khác	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	834.520.015.842		414.931.789.768		634.501.139.874				29.190.560.737		1.913.143.506.221
Tài sản bộ phận	875.649.952.194		319.004.914.567		394.039.877.016						1.588.694.743.777
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác											266.548.638.569



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	273.306.405.289	168.228.465.119	273.306.405.289	168.228.465.119
Phải thu khách hàng	745.140.258.772	785.213.156.640	745.140.258.772	785.213.156.640
Trả trước cho người bán	1.003.571.568.351	976.572.519.047	1.003.571.568.351	976.572.519.047
Các khoản phải thu khác	131.599.562.827	171.618.473.556	131.599.562.827	171.618.473.556
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.330.198.498.802	(455.871.388)	1.329.742.627.414	1.415.575.130.914
Đầu tư tài chính dài hạn	289.700.000.000	67.950.000.000	289.700.000.000	67.950.000.000
Cộng	2.153.617.795.239	(455.871.388)	2.101.632.614.362	2.101.632.614.362

Giá trị sổ sách

Giá trị hợp lý

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	241.523.141.361	234.948.839.861	241.523.141.361	234.948.839.861
Người mua trả tiền trước	24.704.568.277	16.487.089.077	24.704.568.277	16.487.089.077
Vay và nợ	2.762.055.860.246	2.583.494.348.448	2.762.055.860.246	2.583.494.348.448
Phải trả người lao động	27.377.582.745	27.192.267.305	27.377.582.745	27.192.267.305
Các khoản phải trả khác	75.515.082.977	53.925.086.284	75.515.082.977	53.925.086.284
Cộng	3.131.176.235.606	2.916.047.630.975	3.131.176.235.606	2.916.047.630.975

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi số.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	241.523.141.361			241.523.141.361
Người mua trả tiền trước	24.704.568.277			24.704.568.277
Vay và nợ	2.146.770.776.033	615.285.084.213		2.762.055.860.246
Chi phí phải trả				
Các khoản phải trả phải nộp khác	75.515.082.977			75.515.082.977
Cộng	2.488.513.568.648	615.285.084.213		3.103.798.652.861

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	30/06/2017	01/01/2017
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.594.799,62	4.683.932,65
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	10.641.036,04	11.528.655,77
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(1.001.288,30)	(947.553,30)
Vay và nợ thuê tài chính	(19.735.349,73)	(16.577.444,73)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(5.500.802,37)	(1.312.409,61)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	30/06/2017	01/01/2017
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(2.526.395.569)	(620.893.924)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	2.526.395.569	620.893.924

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác:

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền gửi có kỳ hạn	1.460.570.000.000	1.229.370.000.000
Hàng tồn kho	397.211.041.275	414.321.840.907
Tài sản cố định hữu hình	252.895.249.771	252.568.249.771
Quyền sử dụng đất	125.646.910.719	124.241.498.719
Bất động sản đầu tư	93.926.772.728	88.027.592.168

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho 06 tháng đầu năm 2016 kết thúc ngày 30/06/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN PHƯỚC MINH

LÊ XUÂN ĐỊNH

LÊ VĂN CHUNG

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:

1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp quy, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:

1. AUDITING SERVICES:

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

2. ACCOUNTING SERVICES:

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

3. CONSULTANCY SERVICES:

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance - accounting, financial analysis.

4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.